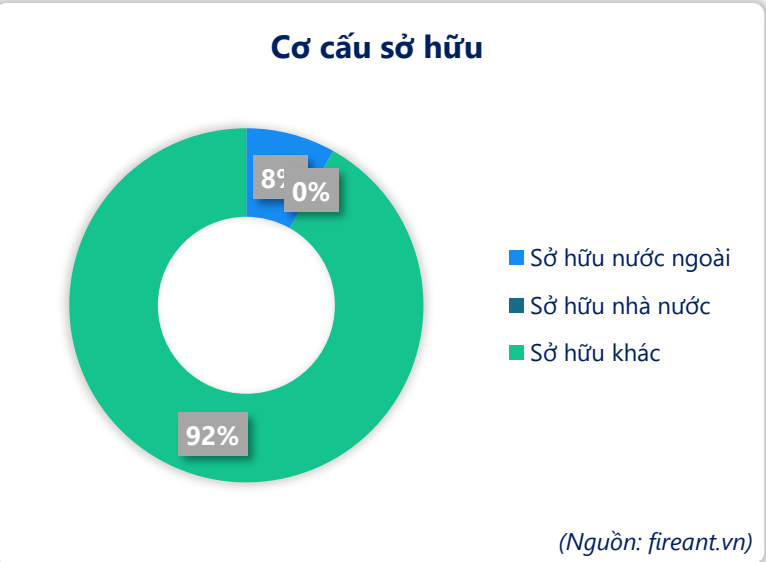
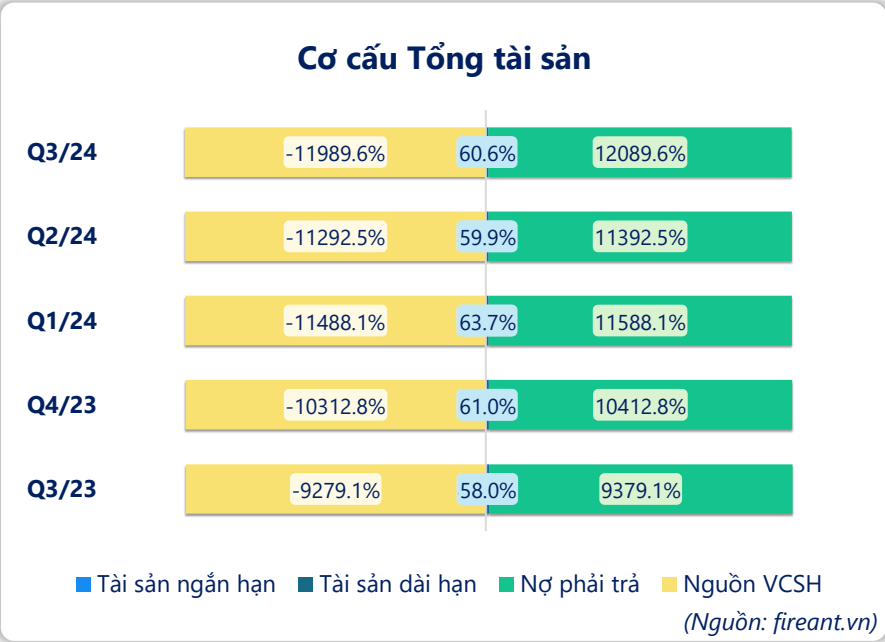
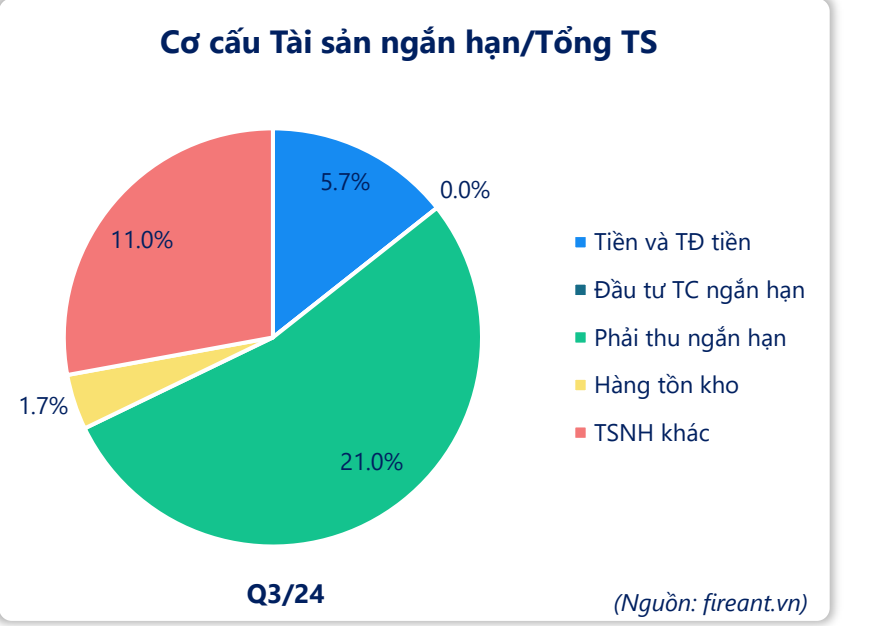
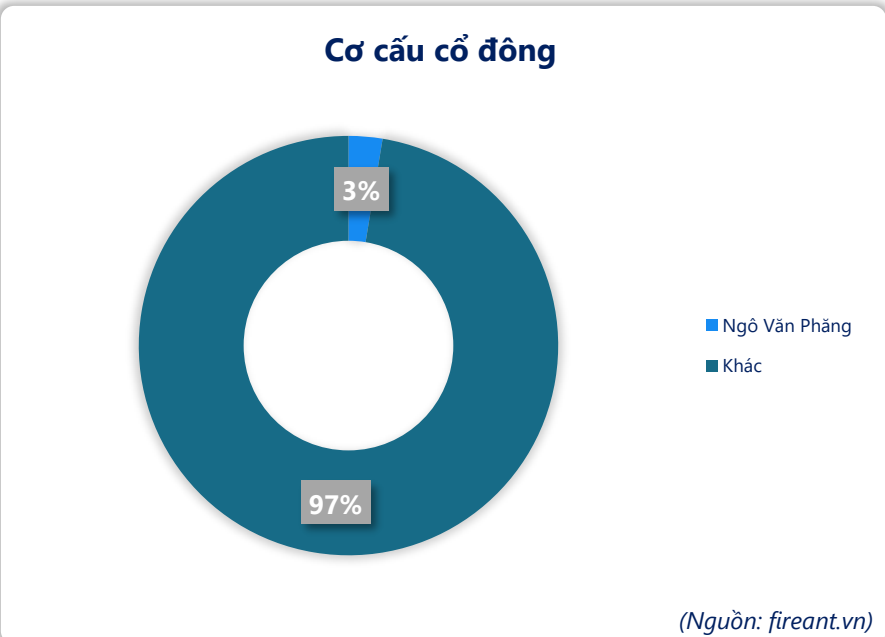
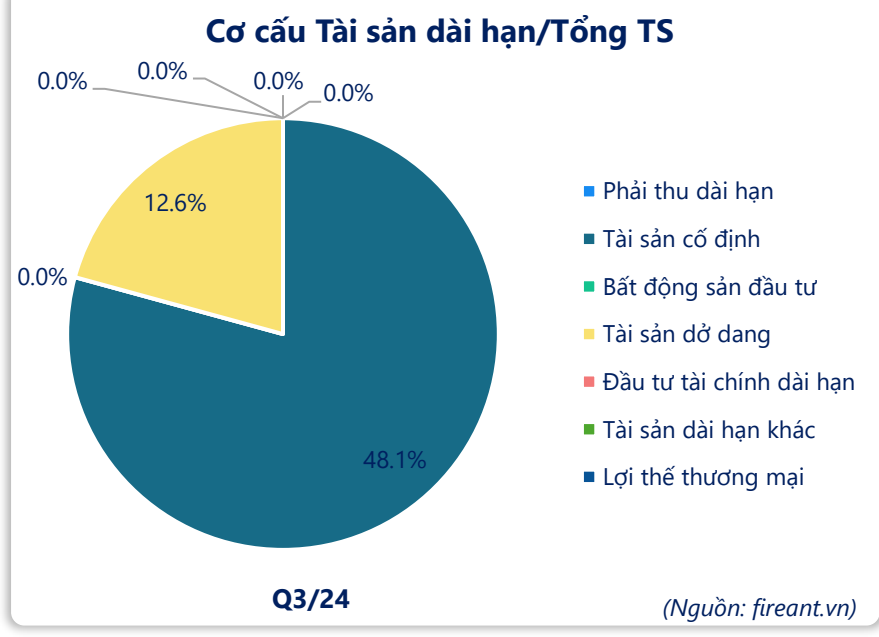
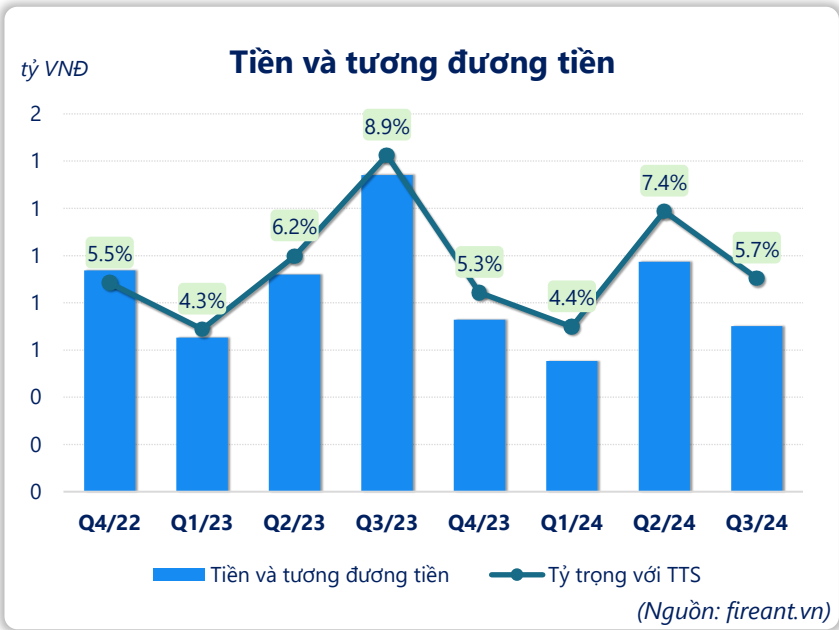
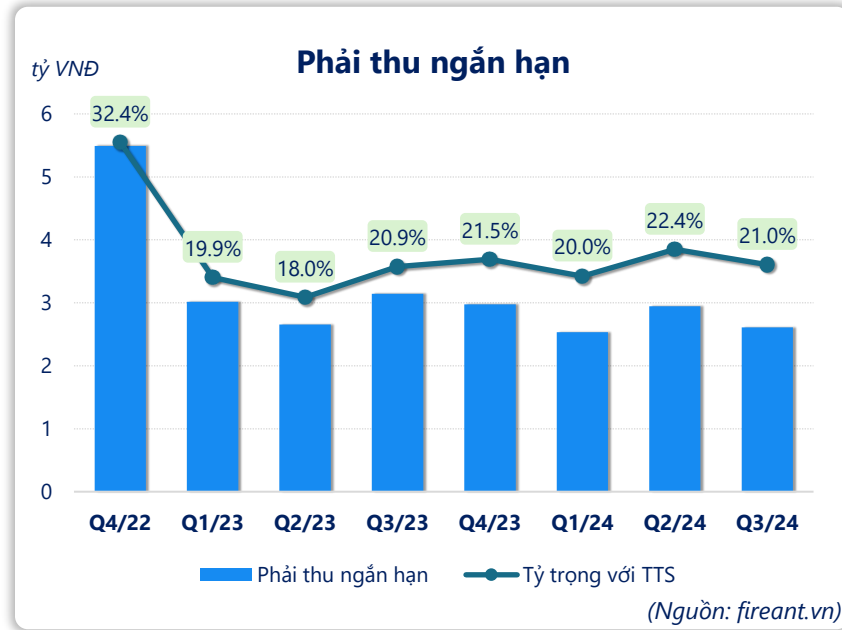
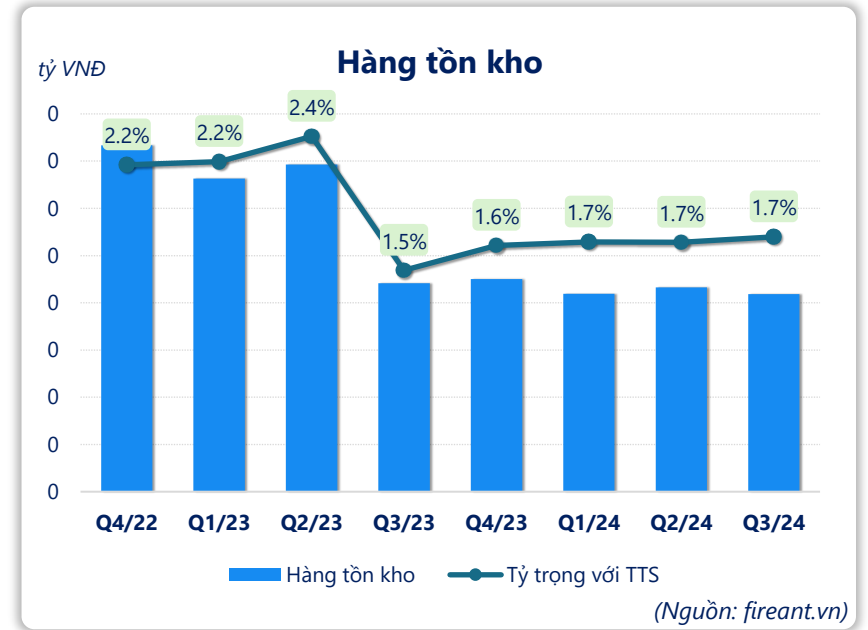
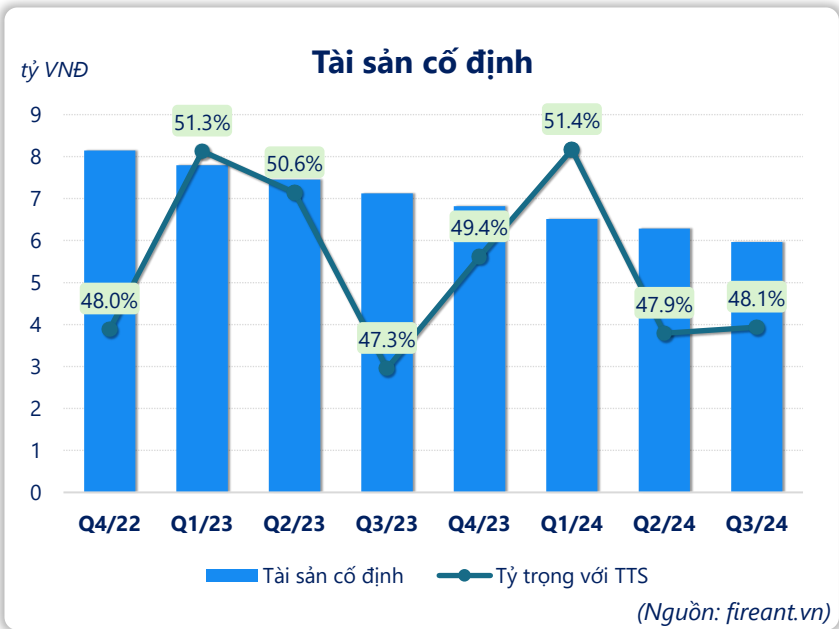
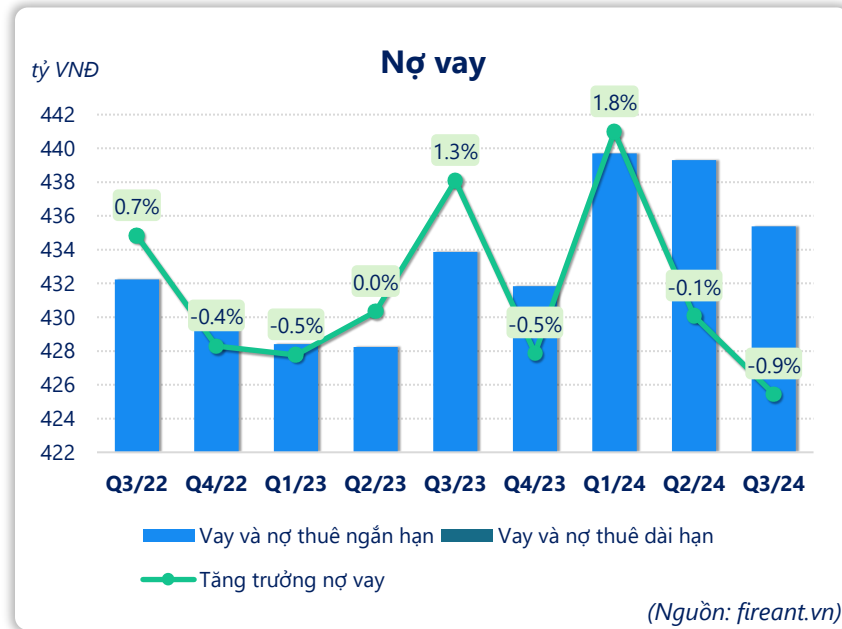
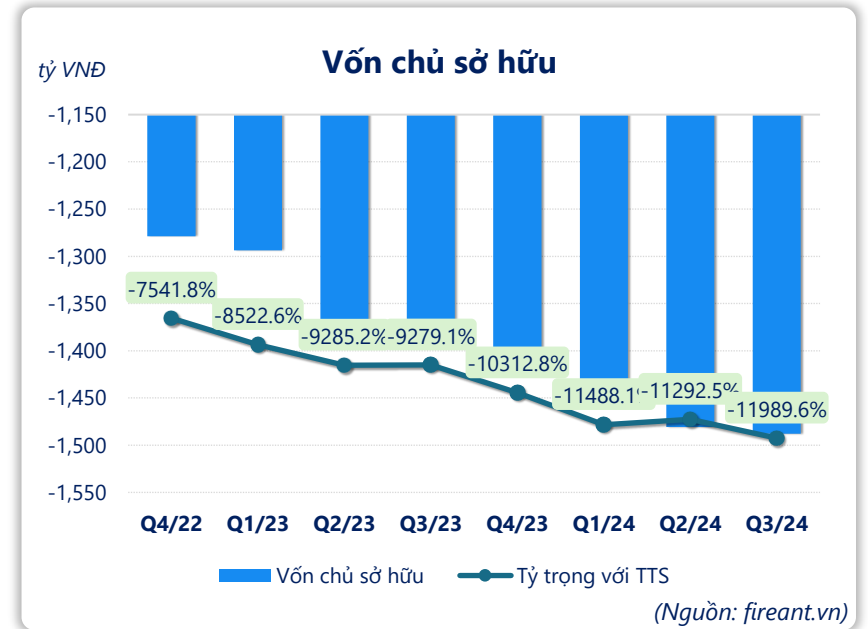
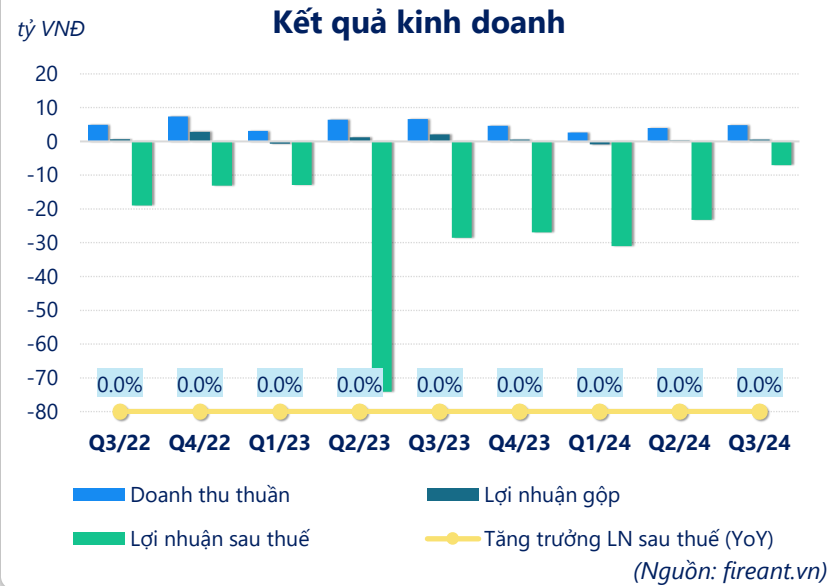
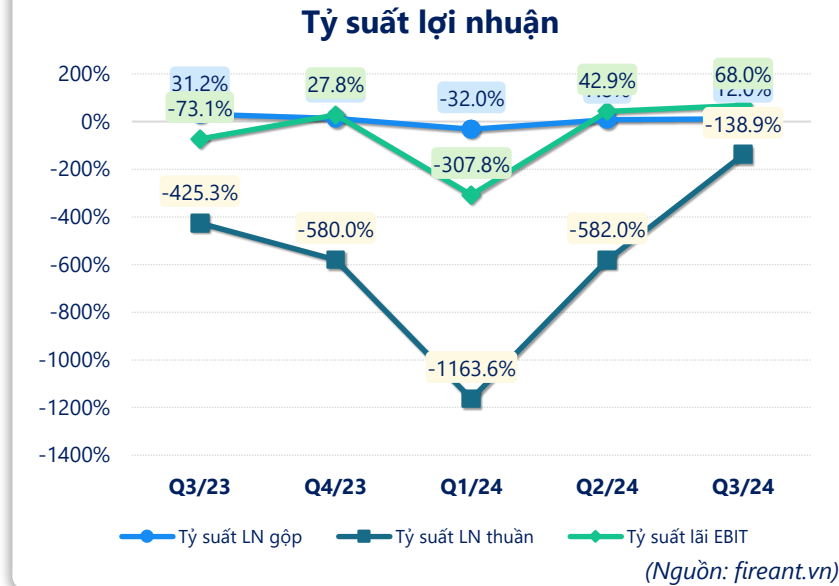
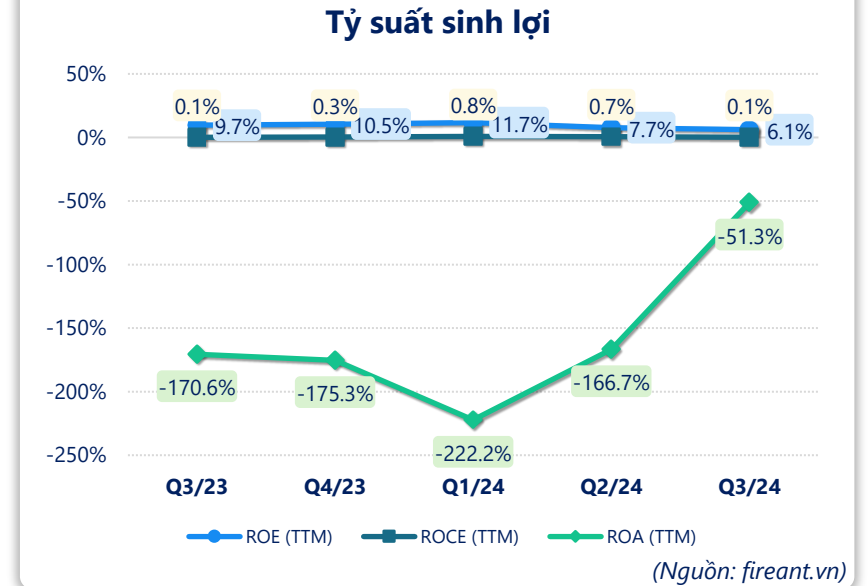
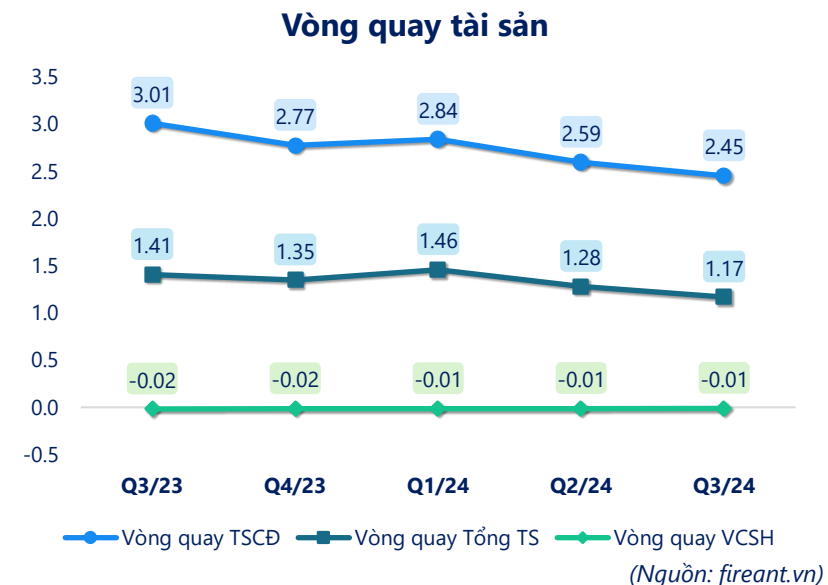
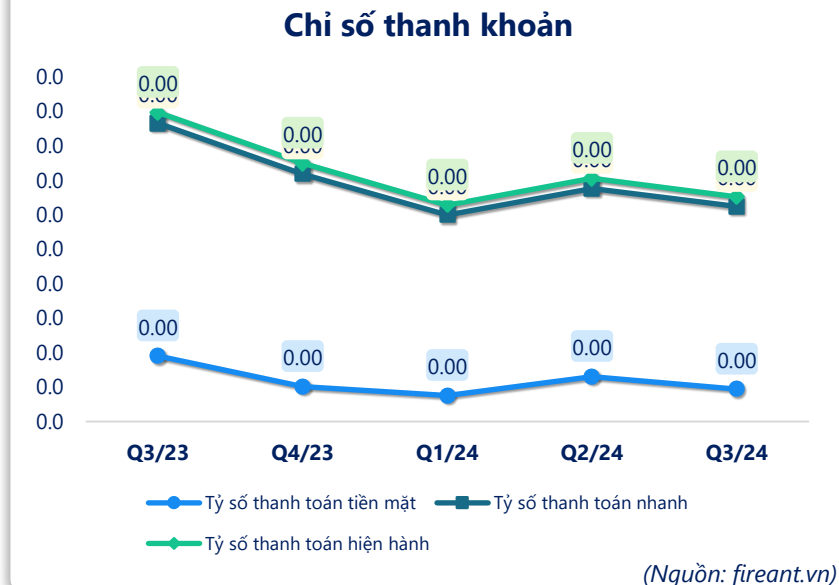
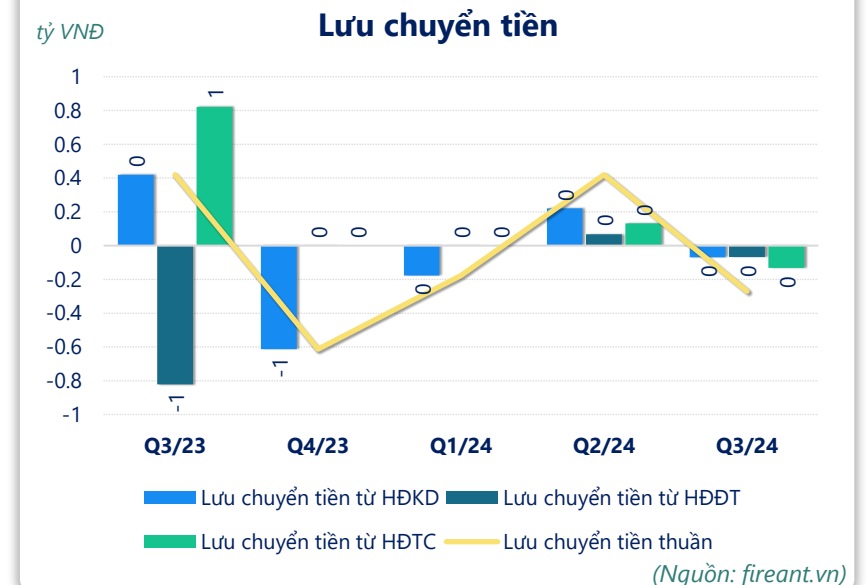


Thông tin giao dịch		30/09/2024
Giá hiện tại (VNĐ)		400
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		1,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		400
SL cổ phiếu LH		20,799,927
KLGD BQ 20 phiên (CP)		13,510
% sở hữu nước ngoài		8.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		8
P/E		-0.1
EPS		-4,240

	YTD	1T	3T	6T
CAD	0.0%	-33.3%	-55.6%	-33.3%
VNINDEX	13.8%	0.3%	0.9%	0.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	12.4	13.8	-9.8%
Tài sản ngắn hạn	4.88	5.38	-9.3%
Tiền và tương đương tiền	0.70	0.73	-3.7%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	2.61	2.97	-12.1%
Hàng tồn kho	0.21	0.23	-7.0%
Tài sản ngắn hạn khác	1.36	1.46	-6.6%
Tài sản dài hạn	7.53	8.38	-10.2%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	5.96	6.82	-12.5%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	1.56	1.56	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	0	0	
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,500	1,440	4.2%
Nợ ngắn hạn	1,499	1,439	4.2%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	435	434	0.4%
Phải trả người bán ngắn hạn	24.5	24.1	1.7%
Nợ dài hạn	1.08	1.08	0.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	-1,488	-1,426	-4.3%
Vốn chủ sở hữu	-1,488	-1,426	-4.3%
Vốn điều lệ	208	208	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24
Doanh thu thuần	6.64	4.60	2.64	3.94	4.86
Giá vốn hàng bán	4.57	4.02	3.48	3.63	4.28
Lợi nhuận gộp	2.07	0.58	-0.84	0.31	0.58
Doanh thu HĐTC	0.00	2.04	0.00	0.00	3.94
Chi phí TC	29.4	28.3	29.0	22.6	10.5
Chi phí lãi vay	23.7	28.2	22.8	24.9	10.4
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0.05	0.07	0.04	0	0
Chi phí QLDN	0.85	0.88	0.81	0.62	0.82
LN thuần từ HĐKD	-28.3	-26.7	-30.7	-22.9	-6.75
Lợi nhuận khác	-0.29	-0.28	-0.28	-0.29	-0.30
LN trước thuế	-28.5	-27.0	-31.0	-23.2	-7.05
Lợi nhuận sau thuế	-28.5	-27.0	-31.0	-23.2	-7.05
LNST của CĐ cty mẹ	-28.5	-27.0	-31.0	-23.2	-7.05

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	0.42	-0.61	-0.18	0.22	-0.07
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-0.82	0.00	0.00	0.07	-0.07
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0.82	0	0	0.13	-0.13
Tiền đầu kỳ	0.92	1.34	0.73	0.55	0.97
Lưu chuyển tiền thuần	0.42	-0.61	-0.18	0.42	-0.27
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Tiền cuối kỳ	1.34	0.73	0.55	0.97	0.70

(Nguồn: fireant.vn)